

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2023/DS-ST**

Ngày: 07 - 6 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và ông Hoàng Văn Mầm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim – Thư ký Tòa án Tp. Buôn Ma Thuột

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H Mi Chan Niê - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 660/2022/TLST-DS ngày 01/12/2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXX-DS ngày 24/4/2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Duy S

Địa chỉ: Số 416 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn S, bà Võ Thị Hồng V

Địa chỉ: Số 51 đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Số 416 Hùng V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn Ông Phạm Duy S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 15/11/2019 vợ chồng tôi có cho vợ chồng ông S vay số tiền 500.000.000đồng, hẹn ngày 15/5/2020 sẽ trả số tiền trên, lãi suất thỏa thuận theo ngân, không thế chấp tài sản gì. Cùng ngày 15/11/2019 vợ chồng tôi cho vợ chồng ông S vay tiếp 235.000.000đồng, không tính lãi suất và trả trong thời gian sớm nhất tức là là 06 tháng kể từ ngày vay.

Từ khi vay đến nay vợ chồng ông S đã trả số tiền gốc của số tiền vay 500.000.000đồng như sau:

Lần 1: Trả 30.000.000đồng vào ngày 17/01/2021

Lần 2: 50.000.000đồng trả vào ngày 17/01/2022

Lần 3: 10.000.000đồng vào ngày 31/8/2022

Lần 4: 10.000.000đồng trả ngày 11/10/2022

Lần 5: 10.000.000đồng trả vào ngày 28/12/2022

Tổng cộng 110.000.000đồng tiền gốc; còn tiền lãi suất chưa trả.

Đối với số tiền vay gốc 235.000.000đồng cũng chưa trả. Mặc dù tôi đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông S vẫn cố tình không trả cho tôi số tiền còn lại. Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông S trả số tiền 735.000.000đồng tiền gốc và lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S phải trả số tiền gốc còn lại tổng cộng là 625.000.000đồng và lãi suất phát sinh trong hạn là 10%/năm (0,83%/tháng) và lãi quá hạn 1.25%/tháng đối với số tiền vay 500.000.000đồng từ khi vay cho đến khi trả xong nợ còn đối với số tiền vay tiền gốc 235.000.000đồng không yêu cầu tính lãi suất. Đối với lần trả tiền gốc 30.000.000đồng trong đơn trình bày gửi Tòa án tôi ghi nhầm ngày 17/01/2021 nhưng thực chất bà V trả vào ngày 17/01/2020.

2. Bị đơn bà Võ Thị Hồng V trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải:

Tôi là vợ của ông Trần Văn S, vợ chồng tôi trước đây có làm xưởng gỗ, vợ chồng ông S1 có lấy gỗ của gia đình tôi về bán nên có quen biết. Việc chồng tôi vay tiền của vợ chồng ông S1 bao nhiêu thì tôi không biết nhưng sau này tôi có nghe chồng tôi nói có vay của ông S1 500.000.000đồng để làm ăn còn số tiền 235.000.000đồng nghe chồng tôi nói đây là số tiền lãi suất của số tiền vay 500.000.000đồng mà chồng tôi vay mà không trả lãi được. Sau đó bà H vợ ông S1 có xuống nhà tôi đòi tiền thì tôi trả được 50.000.000đồng tiền gốc(có giấy biên nhận và cung cấp sau); Ngày 17/01/2020 tôi có trả cho ông S1 được số tiền 30.000.000đồng tiền gốc; Chuyển khoản 03 lần: Ngày 28/12/2022 trả 10.000.000đồng tiền gốc; Ngày 11/10/2021 trả 10.000.000đồng tiền gốc; Ngày 31/8/2022 trả 10.000.000đồng tiền gốc. Tổng cộng đã trả cho vợ chồng ông S1 110.000.000đồng tiền gốc. Còn lãi suất thì ông S1 sau khi chốt giấy lãi suất 235.000.000đồng thì nói không lấy lãi suất nữa nên không trả lãi suất. Nay, vợ chồng tôi chấp nhận trả số tiền gốc 390.000.000đồng xong thì bán tài sản sẽ trả tiếp số tiền 235.000.000đồng nhưng ông S1 không được tính lãi đối với số tiền 235.000.000đồng.

Đối với ông S đang đi làm ăn ở tỉnh Tây Ninh thỉnh thoảng mới về nên không lên tham gia tố tụng tại Tòa án được, tôi sẽ liên lạc với ông S khi nào về được thì sẽ báo cho Tòa án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi là vợ của ông S1 tôi đồng ý lời trình bày của ông S1, việc ông S1 cho vợ chồng ông S vay tiền bà đều biết, hiện nay ông S1 khởi kiện vợ chồng ông S đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông S trả số tiền trên cho một mình chồng tôi.

4. Đối với bị đơn ông Trần Văn S : Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Duy S . Buộc ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải trả 625.000.000đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng; Trả lại cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng đã nộp sau khi thu được từ bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả số tiền đã vay, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Nội dung khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

- Về số tiền vay gốc: Quá trình giải quyết vụ án ông S không lên Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký và chữ viết của ông S trong giấy cho vay tiền do nguyên đơn cung cấp: Tại kết luận giám định số 436/KL- KTHS ngày 18/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn S dưới mục người mượn trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A1, dưới mục người mượn tiền trên mẫu cần giám định

kí hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn S trên mẫu so sánh kí hiệu M1, do cùng một người ký và viết ra.

Qua lời khai của bà V vợ ông S cũng thừa nhận ông S có vay tiền của vợ chồng ông S1 tổng cộng 735.000.000đồng nhưng đã trả 110.000.000đồng tiền gốc và chấp nhận trả số tiền nợ gốc còn lại nhưng khi nào bán được đất mới trả.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ chứng minh được rằng: Ngày 15/11/2019 vợ chồng ông S1 có cho vợ chồng ông S vay số tiền 500.000.000đồng, hạn ngày 15/5/2020 trả, lãi suất thỏa thuận theo ngân hàng Cùng ngày 15/11/2019 vợ chồng ông S1 cho vợ chồng ông S vay tiếp 235.000.000đồng. Tổng cộng 735.000.000đồng là có thật, đến thời hạn trả nhưng vợ chồng ông S mới trả được 110.000.000đồng tiền gốc còn số nợ gốc còn lại là 625.000.000đồng và lãi suất phát sinh của số tiền 500.000.000đồng vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, ông S1 khởi kiện buộc vợ chồng ông S và V phải trả số tiền nợ gốc còn lại là: 625.000.000 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

- Về lãi suất: Đối với số tiền gốc 235.000.000đồng ông S1 không tính lãi suất nên không xem xét.

Đối với số tiền gốc 500.000.000đồng, trong giấy nhận nợ có thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng nhưng không thỏa thuận cụ thể lãi suất bao nhiêu, ngân hàng nào, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 15/11/2019 đến ngày 16/01/2020 là 62 ngày x 0,83%/tháng (10% năm) x 500.000.000đồng = 8.608.000đồng (làm tròn).

Từ ngày 17/01/2020 đến ngày 15/5/2020 là 119 ngày x 0,83%/tháng (10% năm) x 470.000.000đồng = 15.530.000đồng (làm tròn).

Từ ngày 16/5/2020 đến ngày 16/01/2022 là 610 ngày x 1,25%/tháng x (lãi quá hạn 150% của lãi trong hạn) x 470.000.000đồng = 119.458.000đồng (làm tròn).

Từ ngày 17/01/2022 đến ngày 30/8/2022 là 225 ngày x 1,25%/tháng x (lãi quá hạn 150% của lãi trong hạn) x 420.000.000đồng = 39.375.000đồng

Từ ngày 31/8/2022 đến ngày 10/10/2022 là 40 ngày x 1,25%/tháng x (lãi quá hạn 150% của lãi trong hạn) x 410.000.000đồng = 7.000.000đồng.

Từ ngày 11/10/2022 đến ngày 27/12/2022 là 77 ngày x 1,25%/tháng x (lãi quá hạn 150% của lãi trong hạn) x 400.000.000đồng = 12.833.000đồng (làm tròn)

Từ ngày 28/12/2022 đến ngày 07/6/2023 là 161 ngày x 1,25%/tháng x (lãi quá hạn 150% của lãi trong hạn) x 390.000.000đồng = 26.163.000đồng (làm tròn)

Tổng cộng lãi suất: 228.967.000đồng.

Như vậy cần buộc ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải trả cho Ông Phạm Duy S tổng số tiền là 853.967.000đồng là phù hợp.

[4]. Về án phí DSST và chi phí tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và tiền giám định chữ ký, chữ viết.

Nguyên đơn Ông Phạm Duy S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp và chi phí giám định chữ ký và chữ viết sau khi thu được từ ông Trần Văn Sơn và bà Võ Thị Hồng Vân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 160; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Duy S

Buộc ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải trả cho Ông Phạm Duy S tổng số tiền 853.967.000 đồng (Tám trăm năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Trong đó 625.000.000 đồng tiền gốc và 228.967.000 đồng tiền lãi suất (lãi suất tạm tính đến ngày 07/6/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.619.000 đồng (làm tròn)

Trả lại cho Ông Phạm Duy S số tiền 16.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm do Lê Sỹ K đã nộp theo biên lai thu số 0022696 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.700.000 đồng. Trả lại Ông Phạm Duy S chi phí giám định chữ ký và chữ viết là 5.700.000 đồng sau khi thu được từ ông Trần Văn S và bà Võ Thị Hồng V.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
 - VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
 - VKSND Tp. BMT;
 - Chi cục THADS Tp.BMT;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

H' NĂM BKRÔNG

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA